

Bài 18. VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (tiếp theo)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

– Hiểu được về cơ bản tình hình phát triển kinh tế ở Trung du và miền núi Bắc Bộ theo trình tự : công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Nắm được một số vấn đề trọng tâm.

– Về kĩ năng, nắm vững phương pháp so sánh giữa các yếu tố địa lí ; kết hợp kênh chữ và kênh hình để phân tích, giải thích theo các câu hỏi gợi ý trong bài (chữ nghiêng).

II – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý

– Về công nghiệp, SGK tập trung vào công nghiệp khai khoáng và công nghiệp năng lượng (nhiệt điện, thủy điện). Công nghiệp khai thác gắn liền với công nghiệp chế biến, một phần phục vụ mục đích xuất khẩu. Bảng 18.1 thể hiện tình hình nêu trên, trong đó có chỉ ra một số ngành sản xuất công nghiệp nặng như điện lực, luyện kim đen, luyện kim màu, hoá chất, vật liệu xây dựng.

– Về sản xuất nông nghiệp, SGK tập trung chú ý vào một số nông sản chủ yếu, có tỉ trọng cao so với cả nước như ngô, đậu tương, chè, cây ăn quả và chăn nuôi trâu, bò. Cây chè được coi là thế mạnh của vùng. Đất feralit đồi núi và khí hậu rất thích hợp với cây chè. Nhờ đó một số thương hiệu chè trở nên nổi tiếng trong nước và nước ngoài như chè San (Hà Giang), chè Mộc Châu (Sơn La), chè Tân Cương (Thái Nguyên). Ngoài ra vùng còn có những thế mạnh khác như nuôi cá trên các hồ, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản ven biển (Quảng Ninh).

– Về dịch vụ cần chú ý mạng lưới giao thông với các tuyến đường sắt, đường bộ nối các thành phố, thị xã với Thủ đô Hà Nội và các cửa khẩu quốc tế như ở Móng Cái, Lạng Sơn, Lào Cai và một số cửa khẩu khác như Tây Trang (Lai Châu), Thanh Thủy (Hà Giang), Tà Lùng (Cao bằng). Giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ với Đồng bằng sông Hồng và các tỉnh của hai nước láng giềng

Trung Quốc (Vân Nam, Quảng Tây) và Thượng Lào (Lào) đã hình thành các mối quan hệ thương mại truyền thống.

Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều cơ sở du lịch. Du lịch sinh thái có hồ Ba Bể, Sa Pa,... Du lịch văn hoá lịch sử nổi tiếng nhất là Đền Hùng, và nhiều di tích lịch sử quan trọng như Pác Bó, Tân Trào, Điện Biên Phủ. Vịnh Hạ Long là cơ sở du lịch hấp dẫn, được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

– Trong vùng có 4 trung tâm kinh tế lớn đó là các thành phố Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn. Trong đó thành phố Thái Nguyên là trung tâm công nghiệp nặng (chủ yếu là luyện kim, cơ khí). Thành phố Việt Trì (chủ yếu là hoá chất, giấy, vật liệu xây dựng), thành phố Hạ Long – công nghiệp than, du lịch. Thành phố Lạng Sơn là cửa khẩu quốc tế quan trọng giữa Việt Nam và Trung Quốc.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Lược đồ kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Tranh ảnh.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY BÀI MỚI

1. Gợi ý dạy mục IV : Tình hình phát triển kinh tế

a) Công nghiệp

GV yêu cầu HS đọc nhanh kênh chữ và xem lược đồ kinh tế, gợi ý HS căn cứ vào hình 18.1 xác định các cơ sở chế biến khoáng sản. Chú ý tới mối liên hệ giữa nơi khai thác và nơi chế biến.

Dựa trên lược đồ 18.1, GV gợi ý HS khai thác tiềm năng công nghiệp năng lượng (nhiệt điện, thủy điện), đặc biệt tìm hiểu ý nghĩa của thủy điện Hoà Bình.

b) Nông nghiệp

Quan sát hình 18.1, GV lưu ý HS một số cây trồng có tỉ trọng lớn so với cả nước, quan trọng nhất là cây chè.

HS cần biết rằng đối với cây chè thì điều kiện đất và khí hậu là rất quan trọng. Cây chè là thức uống ưa chuộng trong nước cũng như một số nước trên thế giới như thị trường EU, Nhật Bản, các nước Tây Nam Á.

Ngoài những sản phẩm nêu trên, GV nên đặt câu hỏi Trung du và miền núi Bắc Bộ còn có những điều kiện gì để sản xuất lương thực. Cần lưu ý HS một số cánh đồng lớn và có tiếng như Mường Thanh (Điện Biên), Bình Lư (Lai Châu), Văn Chấn (Yên Bái), Đại Từ (Thái Nguyên), Hoà An (Cao Bằng),... là những địa bàn sản xuất lương thực có hạt (lúa, ngô). Ngô là nguồn lương thực chính của một số dân tộc ít người sống ở vùng cao biên giới phía Bắc.

c) Dịch vụ

GV yêu cầu HS tìm trên bản đồ treo tường, trong Atlas Địa lí Việt Nam hoặc lược đồ những tuyến đường chủ yếu như quốc lộ 1, 2, 3, 6... Đặc điểm của các tuyến đường này là điều kiện thông thương với Đồng bằng sông Hồng và với các nước láng giềng. Qua đó HS tìm hiểu một số sản phẩm của vùng có thể xuất ra ngoài vùng như khoáng sản, lâm sản, sản phẩm chăn nuôi,... Đối lại, vùng nhận hàng hoá tiêu dùng như lương thực, thực phẩm, hàng công nghiệp, lao động kĩ thuật từ các vùng khác, đặc biệt là các tỉnh Đồng bằng sông Hồng. Cần chú ý các cửa khẩu biên giới Việt – Trung, các thế mạnh phát triển du lịch.

2. Gợi ý dạy mục V : Các trung tâm kinh tế

HS cần nhận biết vị trí địa lí của bốn trung tâm kinh tế : Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn. Trọng tâm của vấn đề là chức năng kinh tế của từng trung tâm. Mỗi trung tâm đều có vị trí địa lí quan trọng, lại có một số ngành công nghiệp đặc trưng. Nếu có thời gian thì gợi ý HS tìm hiểu đặc điểm và tầm quan trọng của từng trung tâm.

V – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI KHÓ

– Câu hỏi ở mục IV.1 : *Ý nghĩa của nhà máy thuỷ điện Hoà Bình ?*

Nhà máy thuỷ điện Hoà Bình chính thức được khởi công xây dựng ngày 6/11/1979, sau 15 năm xây dựng, đã hoàn thành và đi vào khai thác tháng 12/1994. Công suất lắp máy là 1920MW, hàng năm sản xuất 8160 triệu kWh. Qua đường dây 500 KV, một phần điện năng từ nhà máy thuỷ điện Hoà Bình được chuyển tới các tỉnh phía Nam đất nước.

Trữ lượng nước (khoảng 9,5 tỉ m³) của hồ thuỷ điện Hoà Bình là nguồn tài nguyên có giá trị lớn cho việc sản xuất điện năng, điều tiết lũ và cung cấp nước tưới trong mùa mưa ít cho vùng Đồng bằng sông Hồng, khai thác du lịch, nuôi trồng thuỷ sản và điều hoà khí hậu địa phương.

– Câu hỏi ở mục IV.2 : *Nhờ những điều kiện thuận lợi gì mà cây chè chiếm tỉ trọng lớn về diện tích và sản lượng so với toàn quốc ?*

GV gợi ý cho HS về điều kiện đất, khí hậu (quan trọng hơn cả là khí hậu cận nhiệt là đòi hỏi chủ yếu của cây chè) và thị trường tiêu dùng rộng lớn. Chè là đồ uống đi vào truyền thống của nhân dân ta, và cũng là đồ uống ưa thích của nhiều nước trên thế giới.

– Câu hỏi 2 trong phần Câu hỏi và bài tập : *"Nêu ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông – lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ"*.

Trên lược đồ kinh tế của Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng lúa, lợn, gia cầm, cá chiếm diện tích rất nhỏ, trong khi vùng rừng giàu và trung bình, vùng nông – lâm nghiệp kết hợp chiếm diện tích rất lớn. Nhà nước ta đã và đang giao đất, giao rừng lâu dài cho hộ nông dân. Được làm chủ đất, chủ rừng lâu dài, người nông dân yên tâm đầu tư, tìm cách khai thác hợp lí diện tích đất rừng được giao, phát triển sản xuất nông nghiệp kết hợp với lâm nghiệp, phát triển lâm nghiệp kết hợp với nông nghiệp ; bảo vệ nghiêm ngặt rừng đầu nguồn, coi trọng việc tu bổ và trồng rừng mới ; triển khai mô hình trang trại kết hợp rừng – vườn – ao – chuồng (RVAC), hoặc vườn rừng kinh tế định hướng thị trường. Nhờ nghề rừng phát triển mà độ che phủ rừng sẽ tăng lên, hạn chế xói mòn đất, cải thiện điều kiện sinh thủy cho các dòng sông, điều tiết nguồn nước các hồ thủy điện, thủy lợi ; cơ sở nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất giấy, chế biến gỗ... ổn định hơn. Nghề rừng góp phần sử dụng nguồn lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp, do đó, thu nhập của người dân tăng lên, đời sống cho đồng bào các dân tộc từng bước được cải thiện.

– Gợi ý làm bài tập 3 trong phần Câu hỏi và bài tập : *Vẽ biểu đồ cột thể hiện giá trị sản xuất công nghiệp ở hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc, dựa vào bảng số liệu 18.1.* Mục đích của bài tập này là rèn cho HS hiểu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ gồm hai tiểu vùng Tây Bắc và Đông Bắc.

Trục tung của biểu đồ biểu thị giá trị sản xuất công nghiệp. Trục hoành chia theo năm, tương ứng các năm có số liệu vẽ biểu đồ cột với giá trị sản xuất tương ứng của năm đó. Chú ý khoảng cách giữa năm 1995 và năm 2000. Ghi trị số trên đỉnh của mỗi cột tương ứng với từng năm. Tô màu để phân biệt các tiểu vùng sau đó tiến hành nhận xét.